TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2018
V/v "tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Túy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Huy Xuân
2. Bà Trần Thị Hạnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Bảo Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 142/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tú T, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ A, ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Bà T vắng mặt - có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu ly hôn, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Toà án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Tú T và ông Trần Ngọc T đăng ký kết hôn vào ngày 18-12-2006 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới tại xã Bình Giã, huyện Châu Đức. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc nhưng khoảng 02 năm sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do ông Trần Ngọc T nghiện ma túy, bà T khuyên nhủ thì ông T đánh đập nên vợ chồng cãi vả nhau thường xuyên. Bà T và ông T đã cố gắng đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả mà ông T lại vẫn chứng nào tật nấy, không chịu thay đổi nên bà T đem con về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân từ tháng 5 năm 2009 đến nay. Trong thời gian sống ly

thân thì ông T thường xuyên xuống nhà cha mẹ của bà T quậy phá, đập phá đồ đạc của cha mẹ bà T, đe dọa đòi giết nên bà T sợ và bỏ đi nơi khác sinh sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Trần Ngọc T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Tú T và ông Trần Ngọc T có 01 người con chung là cháu Trần Nhật K, sinh ngày 28-11-2009. Hiện nay cháu K đang sống với ông T nên bà T đồng ý giao cháu K cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và bà T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tú T tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Ngọc T trình bày:

Ông Trần Ngọc T đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp; thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Tú T chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Trần Ngọc T đã được Tòa án triệu tập đến làm việc nhưng ông T vẫn vắng mặt tại các phiên làm việc và tại phiên tòa, không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tú T; về con chung: Bà T và ông T có 01 người con chung là cháu Trần Nhật K, sinh ngày 28-11-2009 và hiện đang sống chung với ông T. Bà T đồng ý giao cháu K cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và bà T không cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T; về tài sản chung và nợ chung bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Nguyễn Thị Tú T và ông Trần Ngọc T đăng ký kết hôn vào ngày 18-12-2006 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nay bà T yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; nơi cư trú của ông Trần Ngọc T là xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy

định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Ngày 20-6-2018, Tòa án mở phiên tòa để xét xử vụ án nhưng ông T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án phải hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa là ngày 10-7-2018 nhưng tại phiên tòa ông T vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do còn bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Tú T và ông Trần Ngọc T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Tú T và ông Trần Ngọc T đăng ký kết hôn vào ngày 18-12-2006 tại Ủy ban nhân dân xã xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quá trình sống chung thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do ông T nghiện ma túy, không quan tâm, lo lắng, chăm lo cho gia đình nên bà T khuyên nhủ thì ông T không nghe nên vợ chồng thường xuyên cải vã, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài nên bà T và ông T đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2009 đến nay. Trong quá trình ly thân thì bà T và ông T cũng cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả.

[4] Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà T, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để ông T và bà T hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình nhưng các lần hòa giải và tại phiên tòa ông T đều vắng mặt điều đó chứng tỏ ông T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm gia đình. Theo kết quả xác minh thì bà T và ông T phát sinh mâu thuẫn là có thật và sống ly thân từ tháng từ tháng 5 năm 2009 đến nay.

[5] Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Nguyễn Thị Tú T được ly hôn với ông Trần Ngọc T.

[6] *Về quan hệ con chung*: Bà Nguyễn Thị Tú T và ông Trần Ngọc T có 01 người con chung là cháu Trần Nhật K, sinh ngày 28-11-2009. Hiện nay cháu K đang sống với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian bà T và ông T sống ly thân thì cháu K được ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến nay cháu K có cuộc sống sinh hoạt, phát triển bình thường và nguyện vọng của cháu K được tiếp tục ở với ông T còn bà T cũng đồng ý giao cháu K cho ông T trục tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Để ổn định và không làm xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt của cháu K nên cần giao con chung là cháu K cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

[7] *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đều vắng mặt không có lý còn bà T không đồng ý cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền khởi kiện cho ông Trần Ngọc T bằng một vụ án khác về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật (nếu có).

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Tú T và ông Trần Ngọc T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Tú T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Tú T được ly hôn với ông Trần Ngọc T.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Tú T và ông Trần Ngọc T có 01 người con chung là cháu Trần Nhật K, sinh ngày 28-11-2009.

Ông Trần Ngọc T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Trần Nhật K.

Bà Nguyễn Thị Tú T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền khởi kiện cho ông Trần Ngọc T bằng một vụ án khác về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật (nếu có).

Bà Nguyễn Thị Tú T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tú T và ông Trần Ngọc T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tú T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006445 ngày 26-4-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức. Bà Nguyễn Thị Tú T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ, bà Nguyễn Thị Tú T và ông Trần Ngọc T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Châu Đức;
- Chi cục THA Dân sự huyện Châu Đức;
- UBND xã B, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Túy